

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHỤNG HIỆP  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2019/DS-ST  
Ngày: 19 - 8 - 2019  
V/v: “T/c HĐ dân sự vay tài sản  
và mua bán tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Hữu Thắng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phan Công Điện;  
Ông Nguyễn Văn Thuận.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp tham gia phiên tòa:*** Ông Phan Tấn Xuân Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2019, về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2019/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Nguyễn Thị B

Địa chỉ: ấp M, xã L, huyện M, tỉnh S. Có mặt.

***- Bị đơn:*** Võ Thị L

Địa chỉ: ấp T, thị trấn B, huyện P, tỉnh H. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 6 năm 2019 và những lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị B trình bày:

Trong khoảng thời gian từ năm 2005 đến năm 2013, bị đơn là bà Võ Thị L có vay tiền và mua nước đá nhiều lần thiếu nợ nguyên đơn số tiền là 44.550.000đ và 02 chỉ vàng 24k, trong đó: Tiền vay là 22.000.000đ và 02 chỉ vàng 24k (trong đó có 2.000.000đ nguyên đơn hốt hụi cho bị đơn vay); tiền mua nước đá còn nợ là 22.550.000đ, lãi suất thỏa thuận là 5.000đ/ngày/1.000.000đ,

không thỏa thuận thời hạn thanh toán. Từ đó đến nay, phía bị đơn đã trả cho nguyên đơn được 4.500.000đ tiền lãi, ngoài ra không trả thêm khoản nào.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn là bà Võ Thị L có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền là 44.550.000đ và 02 chỉ vàng 24k, không yêu cầu lãi suất. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ là 01 quyển sổ nhỏ có chữ viết và chữ ký xác nhận nợ của bị đơn.

Tại văn bản ngày 17 tháng 7 năm 2019 và những lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn là bà Võ Thị L trình bày:

Khoảng từ năm 2006 đến năm 2016, bị đơn có vay tiền, vàng và mua nước đá của nguyên đơn nhiều lần. Đến năm 2016 tổng kết nợ thì bị đơn thiếu nợ nguyên đơn 02 chỉ vàng 24k và 20.000.000đ. Quá trình vay nợ, bị đơn đã đóng lãi cho nguyên đơn nhiều lần với khoảng 20.000.000đ và 01 chỉ vàng 24k nhưng không có chứng cứ chứng minh việc trả nợ này.

Bị đơn thừa nhận chữ viết xác nhận nợ trong quyển sổ nhỏ do nguyên đơn cung cấp là do bị đơn viết. Tuy nhiên, bị đơn cho rằng tổng số nợ 44.550.000đ và 02 chỉ vàng 24k được bị đơn xác nhận trong quyển sổ này là do nguyên đơn tính cả vốn và lãi rồi yêu cầu bị đơn xác nhận, thực chất số nợ vốn chỉ có 20.000.000đ và 02 chỉ vàng 24k.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm cho rằng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Về nội dung vụ án, đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền là 44.550.000đ và 02 chỉ vàng 24k.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]** Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và mua bán tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[2]** Xét giao dịch dân sự giữa các đương sự được xác lập trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực và có nội dung, hình thức khác với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, cần áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để xem xét, giải quyết.

**[3]** Quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ là 01 quyển sổ nhỏ có chữ viết và chữ ký của bị đơn xác nhận

bị đơn có nợ nguyên đơn số tiền là 44.550.000đ và 02 chỉ vàng. Phía bị đơn cũng thừa nhận chữ viết có nội dung “Ngày 10 tháng 4 năm 2013 tôi tên L có mượn cô B số tiền 44.550.000đ vàng 02 chỉ 24Cr” trong quyển sổ nhỏ do nguyên đơn cung cấp là do bị đơn viết ra. Do đó, tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án đã có đầy đủ cơ sở chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp.

[4] Phía bị đơn có ý kiến phản đối cho rằng thực chất số nợ vốn chỉ có 20.000.000đ và 02 chỉ vàng 24k, tổng số nợ 44.550.000đ và 02 chỉ vàng 24k được bị đơn xác nhận trong quyển sổ này là do nguyên đơn tính cả vốn và lãi rồi yêu cầu bị đơn xác nhận là không có căn cứ. Bởi lẽ ý kiến phản đối của bị đơn không được nguyên đơn thừa nhận, đồng thời bị đơn cũng không đưa ra được căn cứ chứng minh cho ý kiến phản đối của mình. Do đó, căn cứ quy định tại các khoản 2 và 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì không có căn cứ chấp nhận ý kiến phản đối của bị đơn.

[5] Đối với khoản nợ lãi, phía bị đơn cho rằng đã đóng cho nguyên đơn số tiền là 20.000.000đ và 01 chỉ vàng 24k, trong khi phía nguyên đơn chỉ thừa nhận số tiền lãi bị đơn đã đóng cho nguyên đơn là 4.500.000đ. Tuy nhiên, phía bị đơn lại không đưa ra được chứng cứ chứng minh đã đóng lãi cho nguyên đơn số tiền là 20.000.000đ và 01 chỉ vàng 24k. Do đó, cần chấp nhận theo sự thừa nhận của nguyên đơn, ghi nhận việc bị đơn đã đóng lãi cho nguyên đơn số tiền tổng cộng là 4.500.000đ.

[6] Từ những phân tích trên, xét hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản được xác lập giữa các đương sự là hợp đồng có lãi. Tuy lãi suất các đương sự thỏa thuận là cao hơn so với quy định của pháp luật, nhưng nếu điều chỉnh lãi suất theo quy định của pháp luật thì mức lãi suất tính từ ngày 10 tháng 4 năm 2013 (thời điểm bị đơn xác nhận nợ) đến nay cũng đã vượt quá số tiền lãi là 4.500.000đ mà bị đơn đã đóng cho nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số nợ là 44.550.000đ và 02 chỉ vàng 24k mà không yêu cầu trả thêm lãi suất là có căn cứ và đã có lợi cho bị đơn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị đơn phải nộp toàn bộ án phí là 5% giá ngạch giá trị tài sản tranh chấp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Hội đồng xét xử tính giá vàng 24k tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 3.690.000đ/ 01 chỉ để tính án phí cho bị đơn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 91, 144 và 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 471, 474 và 477 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Tuyên xử: Buộc bà Võ Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền là 44.550.000đ (bốn mươi bốn triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) và 02 (hai) chỉ vàng 24k.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị L phải nộp 2.596.500đ (hai triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm đồng). Bà Nguyễn Thị B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.300.000đ (một triệu ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0021996 ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND H.Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS H.Phụng Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Hồ Hữu Thắng**